

ĐỀ ÁN

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang đến năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN HỖ TRỢ

1. Sự cần thiết

Thực hiện phương châm đồng hành cùng doanh nghiệp, An Giang luôn luôn xem cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Trong những năm qua, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập liên tục tăng. Cuối tháng 12-2016, số Doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn An Giang là 7.800 doanh nghiệp, thì đến tháng 06/2022 số lượng Doanh nghiệp đăng ký tăng lên 11.879 doanh nghiệp (tăng 4.079 doanh nghiệp) với tổng vốn đăng ký là 78.290 tỷ đồng. Tính đến 20/01/2022, tại An Giang, số doanh nghiệp còn hoạt động là 6.751 doanh nghiệp và 3.520 đơn vị trực thuộc đang hoạt động, với tổng vốn đăng ký là 71.556 tỷ đồng.

Tuy nhiên, nếu so với các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) thì An Giang gần như chót bảng về tốc độ tăng số doanh nghiệp thành lập mới bình quân giai đoạn 2016-2020 so với giai đoạn 2014-2015 (hơn duy nhất tỉnh Cà Mau 13,2%; An Giang 21,7% ; Việt Nam 51,3%)¹, An Giang cũng là 01 trong 04 địa phương có số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh giảm (tại thời điểm 31/12/2019 so với thời điểm 31/12/2018, giảm 0,7%)². Theo Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2021, mật độ doanh nghiệp đang hoạt động bình quân trên 1000 dân trong độ tuổi lao động của An Giang chỉ đạt 5,4 thấp hơn rất nhiều nếu so với Cần Thơ 14,2 ; ĐBSCL 6,9³ . Tính đến 31 tháng 12 năm 2020, doanh nghiệp An Giang chỉ chiếm 0,59% trong tổng số doanh nghiệp của Việt

¹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam, NXB Cục Thống kê (phần số liệu), trang 143, 2021

² Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam, NXB Cục Thống kê (phần phân tích), trang 36, 2021

³ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam, NXB Cục Thống kê (phần số liệu), trang 83, 2021

Nam (4.794/811.538 doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng An Giang 7,8%; Việt Nam 7%)⁴.

Nhìn từ thực trạng trên, có thể thấy các chính sách hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp của tỉnh hiện tại chưa đủ hấp dẫn để khuyến khích người dân thành lập doanh nghiệp, số doanh nghiệp mặc dù có tăng qua từng năm nhưng so với mức trung bình của cả nước vẫn còn thấp. Bên cạnh đó, các chính sách hiện tại chưa hỗ trợ nhiều đến các doanh nghiệp mới thành lập, giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định phát triển.

Với định hướng phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng trưởng nhanh và bền vững, Đảng bộ tỉnh An Giang luôn xác định kinh tế tư nhân và doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đóng vai trò chủ yếu, là động lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các cấp, các ngành, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cần phải quán triệt sâu sắc, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI, Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện nhiệm vụ được giao và nhằm giúp các DNNVV giải quyết khó khăn, đẩy mạnh sản xuất; tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi, minh bạch cho doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững và đa dạng với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô, chất lượng và gia tăng tỉ trọng đóng góp trong GRDP hằng năm của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ***Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang đến năm 2025*** (sau đây gọi là Đề án) với hàng loạt các chính sách, nội dung và giải pháp nhằm thực hiện các định hướng trên.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu

⁴ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam, NXB Cục Thống kê (phần số liệu), trang 79, 2021

tư cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; Nghị định 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

- Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

- Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và phát triển nguồn lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Thông tư số 54/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên;

- Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số;

- Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số SMEdx;

- Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 – 2025”;

- Công văn số 4055/BKHĐT-PTDN ngày 14/6/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc khung hướng dẫn xây dựng đề án hỗ trợ DNNVV và đề xuất nội dung hỗ trợ DNNVV giai đoạn 2021 – 2025;

- Công văn số 8459/BKHĐT-PTDN ngày 13/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến với Đề án phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2019 – 2025;

- Công văn số 7287/BKHĐT-PTDN ngày 25/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 80/2021/NĐ-CP;

- Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt Đề cương và dự toán xây dựng Đề án phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang giai đoạn 2019 – 2025;

- Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Kế hoạch số 638/KH-UBND ngày 17/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai xây dựng Đề án phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến 2025 để triển khai thực hiện;

- Kế hoạch số 824/KH-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

3. Thực trạng phát triển DNNVV và yêu cầu đặt ra đối với công tác hỗ trợ DNNVV của tỉnh An Giang

Nhằm xác định thực trạng phát triển của DNNVV trên địa bàn tỉnh cũng như nhu cầu hỗ trợ của các doanh nghiệp để phục vụ cho việc xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Đề án, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành nghiên cứu đánh giá dựa trên báo cáo của Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Đầu tư Kinh doanh Nông nghiệp Sáng tạo, với 510 doanh nghiệp được khảo sát, cho thấy:

Ba khó khăn lớn nhất theo đánh giá của các DNNVV là: (1) Sức ép cạnh tranh với hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài nước (223/579 ý kiến); (2) Tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ (199/579 ý kiến) và (3) Các thủ tục hành chính (157/579 ý kiến). Đánh giá của DNNVV khá tương đồng với ý kiến của các cơ quan quản lý Nhà nước khi cho rằng 2 thách thức lớn nhất của DNNVV An Giang chính là (1) Năng lực nội tại của Doanh nghiệp và (2) Sức ép cạnh tranh.

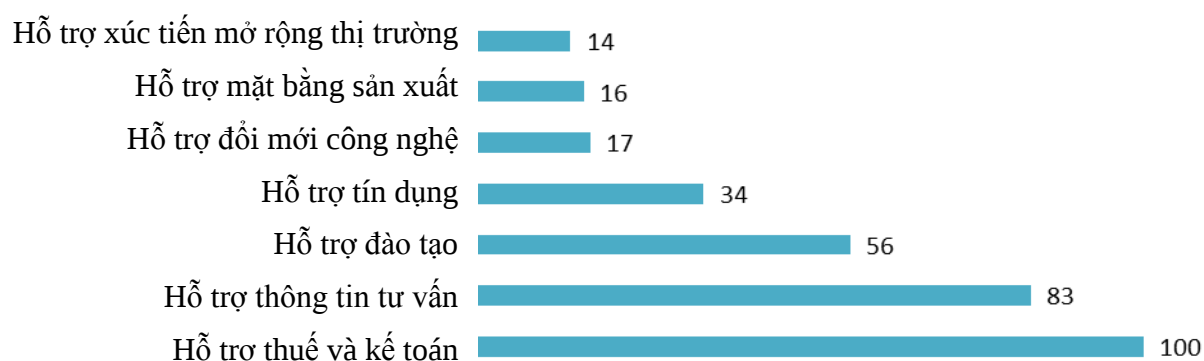
Ba điểm yếu lớn nhất theo đánh giá của DNNVV là: (1) Tiếp cận các chính sách hỗ trợ, (2) Bảo hộ sáng chế, bản quyền và (3) Kinh phí cho việc nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao áp dụng công nghệ. Trong đó, 199/510 doanh nghiệp đánh giá rằng khó tiếp cận với lý do chính là các doanh nghiệp không biết thông tin, không nắm được các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp của địa phương và có đến 384 doanh nghiệp (chiếm tỷ lệ 75%) cho rằng điểm yếu của mình là Tiếp cận các quỹ hỗ trợ, các nguồn vốn vay ưu đãi của Nhà nước.

Kết quả đánh giá từ cơ quan quản lý Nhà nước cho thấy DNNVV ở địa phương hiện tại còn yếu về (1) Thiếu vốn, khó tiếp cận vốn, (2) Thiếu tính liên kết và (3) Năng lực nhân sự.

Trong 510 doanh nghiệp tham gia khảo sát, tỷ lệ doanh nghiệp chưa từng được đề nghị hỗ trợ chiếm tỷ lệ khá cao (hơn 65%), trong khi đó tỷ lệ các doanh nghiệp đã từng đề nghị hỗ trợ nhưng chưa nhận được hỗ trợ khoảng 2-3% trên tổng 510 doanh nghiệp tham gia khảo sát. Cũng theo kết quả khảo sát, có 171 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 33,5% từng nhận được ít nhất 1 loại hỗ trợ.

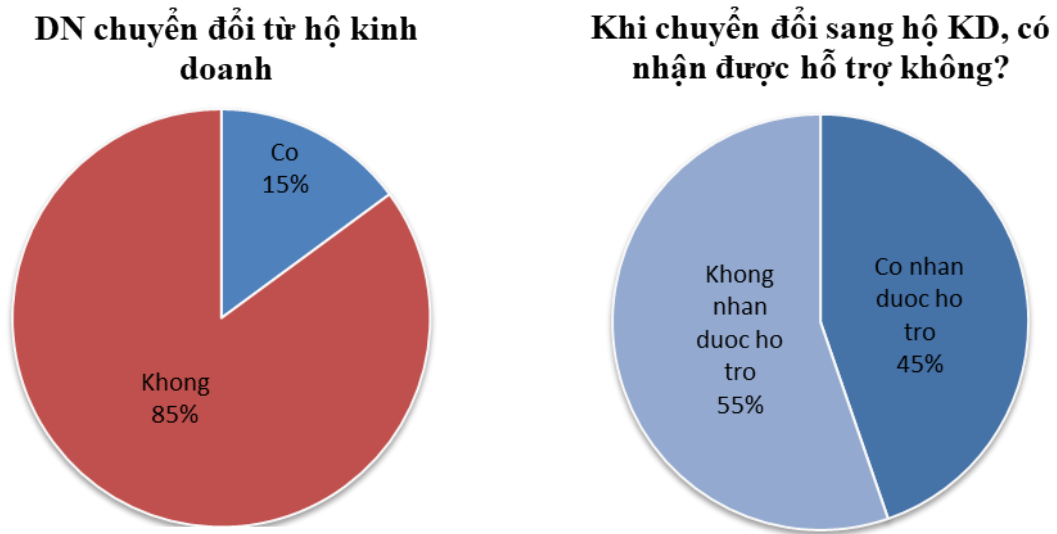
Theo số liệu khảo sát, trong số các doanh nghiệp được hỗ trợ, hỗ trợ thuế và kế toán chiếm nhiều nhất (100 doanh nghiệp), tiếp đến là hỗ trợ thông tin tư vấn (83 doanh nghiệp), hỗ trợ đào tạo (56 doanh nghiệp), thấp nhất là hỗ trợ xúc tiến mở rộng thị trường (14 doanh nghiệp).

Số DN từng nhận được hỗ trợ



Liên quan đến thủ tục hành chính, các doanh nghiệp cho rằng thủ tục còn khó khăn, nhiều giai đoạn, mất thời gian, cần đơn giản hóa, cắt giảm các thủ tục và quan trọng là cần phổ biến các thông tin cụ thể để doanh nghiệp nắm được, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các thông tin. Đồng thời, các thay đổi trong chính sách cần phải phổ biến sớm. Có ý kiến cho rằng “Cần công bằng trong các chính sách ban hành (không phân biệt doanh nghiệp lớn hay doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ)”.

Trong 510 doanh nghiệp tham gia khảo sát chỉ có 76 doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh. Trong số 76 doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh, có 34 doanh nghiệp nhận được hỗ trợ, chiếm 45%.



Trong 34 doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh được nhận hỗ trợ thì trên 80% (30 doanh nghiệp) được hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cụ thể:



Trong 510 doanh nghiệp tham gia khảo sát chỉ có 7 doanh nghiệp (chiếm 1,37%) trả lời rằng mình là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Trong đó 2/7 doanh nghiệp xác nhận có nhận được hỗ trợ.

Trong 510 doanh nghiệp tham gia khảo sát chỉ có 15 doanh nghiệp (chiếm 2,94%) xác nhận có tham gia cụm liên kết và chuỗi giá trị. Một số chuỗi mà các Công ty đang tham gia như: chuỗi liên kết ABCD, chuỗi café, Công ty cổ phần Nam Việt, Hiệp hội thủy sản, Hiệp hội giống cây trồng ĐBSCL, Hiệp hội vận tải

An Giang, Hợp tác xã (HTX) gỗ địa phương, HTX Giao thông vận tải Trường Phát, Cụm Xay lúa, Thủy sản....

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới, tiếp cận thông tin dễ dàng và thuận lợi hơn. Tuy nhiên, điều này cũng tạo sức ép về cạnh tranh và yêu cầu phải nâng cao năng lực nội tại cũng như phải liên kết sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp tại An Giang.

Theo kết quả nghiên cứu công bố tại Báo cáo Chỉ số Thương mại điện tử 2019 (E-Business Index EBI 2019), tỉnh An Giang xếp hạng thứ trung bình cao, đứng thứ 33 trên 54 tỉnh, thành phố thực hiện khảo sát⁵. Qua việc theo dõi bộ chỉ số này, cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh có thể khuyến nghị các cơ chế, chính sách, hoạt động phù hợp để góp phần hỗ trợ nâng cao năng lực thương mại điện tử của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Báo cáo này xếp hạng thương mại điện tử tại các địa phương theo 4 trụ cột nội dung: (1) hạ tầng và nguồn nhân lực, (2) giao dịch thương mại điện tử giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng (B2C), (3) giao dịch thương mại điện tử giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) và (4) giao dịch giữa các cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp (G2B).

Về chỉ số thành phần về nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ thông tin (NNL&HT): tỉnh An Giang xếp hạng thứ 38 trên 54 tỉnh, thành phố đã khảo sát. Chỉ số này phản ánh về nguồn nhân lực hiện tại đã đáp ứng thế nào nhu cầu triển khai Công nghệ thông tin và Thương mại điện tử (CNTT và TMĐT) của doanh nghiệp. Bao gồm tỷ lệ lao động có kỹ năng về CNTT và TMĐT, tỷ lệ cán bộ chuyên trách về CNTT và TMĐT, tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng thư điện tử cũng như các tiêu chí về trang bị máy tính, đầu tư cho CNTT và TMĐT. *Trong các nội dung này, để góp phần nâng cao năng lực thương mại điện tử của doanh nghiệp, về cơ chế chính sách, tỉnh An Giang có thể can thiệp hỗ trợ 2 nội dung: 1) đào tạo lao động DNNVV về kỹ năng CNTT và TMĐT và 2) hướng dẫn, hỗ trợ DNNVV chuyển sang các nền tảng công nghệ số.*

Về chỉ số thành phần giao dịch giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng (B2C): tỉnh An Giang xếp hạng thứ 18 trên 54 tỉnh, thành phố đã khảo sát. Chỉ số này phản ánh về các ứng dụng, thực hành của doanh nghiệp tham gia hoạt động thương mại điện tử: 1) xây dựng website doanh nghiệp; 2) tần suất cập nhật thông

⁵ Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam EBI 2019, trang 58. [Online] Available: <http://www.vecom.vn/tai-lieu/bao-cao-chi-thuong-mai-dien-tu-viet-nam-2019>. [Accessed 20/06/2019]

tin trên website; 3) ứng dụng bán hàng qua mạng xã hội; 4) tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; 5) website phiên bản di động; 6) ứng dụng bán hàng trên thiết bị di động; 7) cho phép người mua thực hiện toàn bộ quá trình mua sắm trên thiết bị di động; 8) tình hình nhận đơn đặt hàng; 9) quảng cáo website/ứng dụng di động; 10) doanh thu từ kênh trực tuyến và 11) thu nhập bình quân trên đầu người. *Có thể thấy, trong các nội dung này, để góp phần nâng cao năng lực thương mại điện tử của doanh nghiệp, về cơ chế chính sách, tỉnh An Giang có thể can thiệp hỗ trợ 2 nội dung: 1) hỗ trợ xây dựng website doanh nghiệp và đào tạo cán bộ của DNNVV về kỹ năng quản trị vận hành, truyền thông trên website của doanh nghiệp, 2) giới thiệu, kết nối hỗ trợ DNNVV tham gia các sàn thương mại điện tử, ứng dụng bán hàng trên thiết bị di động.*

Về chỉ số thành phần giao dịch doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B): Tỉnh An Giang đứng xếp hạng 45 trên 54 tỉnh, thành phố thực hiện khảo sát. Chỉ số B2B phản ánh mức độ năng động của doanh nghiệp trong việc: 1) sử dụng các phần mềm trong doanh nghiệp; 2) sử dụng chữ ký điện tử; 3) sử dụng hợp đồng điện tử; 4) nhận đơn đặt hàng qua các công cụ trực tuyến; 5) đặt hàng qua các công cụ trực tuyến; 6) tỷ lệ đầu tư, xây dựng và vận hành website/ứng dụng di động của doanh nghiệp và 7) tỷ lệ trung bình số dân trên mỗi doanh nghiệp. *Có thể thấy, trong các nội dung này, để góp phần nâng cao năng lực thương mại điện tử của doanh nghiệp, về cơ chế chính sách, tỉnh An Giang có thể can thiệp hỗ trợ 2 nội dung: 1) tư vấn, đào tạo cho doanh nghiệp sử dụng các sàn thương mại điện tử B2B, đặc biệt là sàn thương mại điện tử B2B giao dịch quốc tế; 2) tư vấn, hỗ trợ, đào tạo DNNVV tiếp cận các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) hỗ trợ hoạt động điều hành, kinh doanh, quản lý đối tác và khách hàng, quản lý hệ thống cung ứng của doanh nghiệp.*

Về chỉ số giao dịch giữa các cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp (G2B): Tỉnh An Giang xếp hạng thứ 40 trên 54 tỉnh, thành phố thực hiện khảo sát. Chỉ số thành phần này phản ánh tính minh bạch thông tin của các địa phương đối với doanh nghiệp cũng như mức độ và hiệu quả của các dịch vụ công trực tuyến đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể là chỉ số này phản ánh 1) mức độ tra cứu thông tin trên website các cơ quan nhà nước của doanh nghiệp; 2) mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến liên quan tới các thủ tục đăng ký, cấp phép, khai báo... được cung cấp trên website của các cơ quan nhà nước; 3) tỷ lệ sử dụng các loại dịch vụ công trực tuyến và 4) đánh giá của doanh nghiệp về lợi ích của dịch vụ công trực tuyến tại địa phương. *Có thể thấy, trong các nội dung này, để góp phần nâng cao năng lực thương mại điện tử của doanh nghiệp, về cơ chế chính sách, tỉnh An Giang có thể can thiệp hỗ trợ 3 nội dung: 1) Hỗ trợ các cơ*

quan nhà nước nâng cấp tiện ích của website và cập nhật thông tin trên website; 2) Tăng cường mức độ tra cứu thông tin trên website của cơ quan quản lý nhà nước thông qua các hoạt động thúc đẩy như định kỳ gửi thông tin cập nhật tóm tắt có liên quan đến DVNVV đến hòm thư điện tử của doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp đồng thời gửi đường dẫn thông tin chi tiết đến website của cơ quan quản lý nhà nước; 3) Tiếp tục nâng cấp dịch vụ công trực tuyến.

Tổng hợp lại, chỉ số thương mại điện tử của tỉnh An Giang năm 2019 xếp hạng 33 trên 54 tỉnh, thành phố thực hiện khảo sát.

Theo đánh giá của cơ quan quản lý Nhà nước về các chính sách hiện hành về phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ DNNVV tại An Giang thì những hạn chế, tồn tại nằm chủ yếu ở 4 vấn đề sau: (1) Tiếp cận vốn, (2) Tiếp cận chính sách, (3) Lao động nhân sự và (4) Mặt bằng sản xuất kinh doanh.

Qua khảo sát, tất cả các doanh nghiệp đều thể hiện sự tán đồng đối các chính sách mà tỉnh đã thực hiện trong thời gian qua (các đánh giá đều đạt trên 1,8 điểm/3 điểm). Bên cạnh đó, DNNVV tỉnh An Giang cũng đưa ra nhiều khuyến nghị để đẩy mạnh hiệu quả hỗ trợ của Nhà nước cho doanh nghiệp. Trong đó, nhóm chính sách mà doanh nghiệp cho rằng rất cần thiết là: (1) Tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch và ổn định để các doanh nghiệp hoạt động và phát triển (2,29 điểm trên điểm tối đa là 3 điểm), (2) Thông tin chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp (2,5 điểm trên điểm tối đa là 3 điểm), (3) Hỗ trợ nâng cao năng lực cho người lao động, chủ doanh nghiệp (2,16 điểm trên điểm tối đa là 3 điểm), (4) Thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp lớn và DNNVV (2,03 điểm trên điểm tối đa là 3 điểm), (5) Hỗ trợ khởi sự kinh doanh (2 điểm trên điểm tối đa là 3 điểm).

II. MÔ HÌNH THỰC HIỆN

1. Nội dung thực hiện

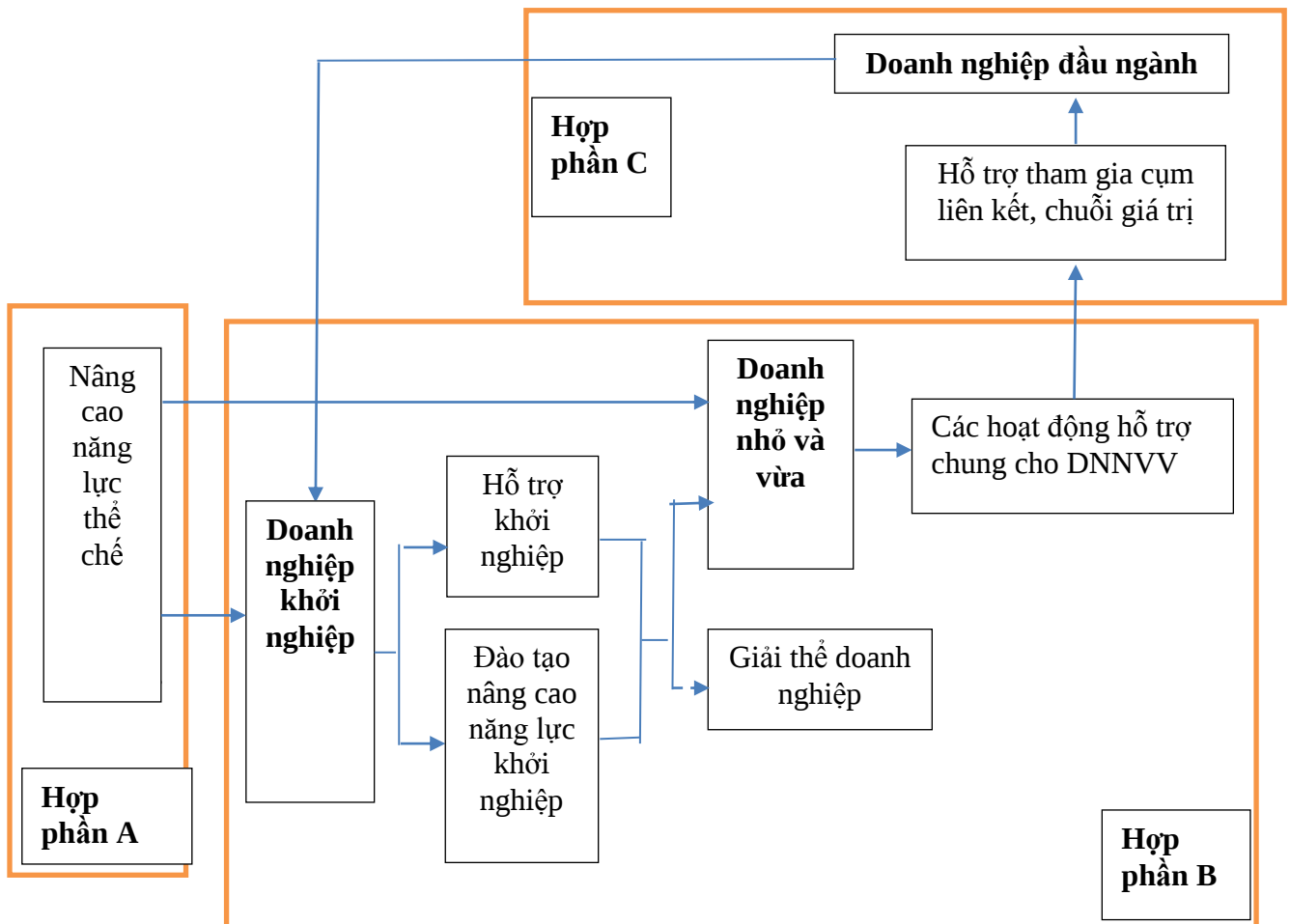
Đề án được thực hiện trên một mô hình, dựa trên sự kết hợp của 3 nội dung hỗ trợ chính, cụ thể:

Nội dung 1: Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ về khởi nghiệp, hướng dẫn quy trình thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Trong khuôn khổ các quy định của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành, chủ trương, chính sách của tỉnh An Giang về khởi nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp (gọi là Hợp phần A – thuộc các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong Đề án).

Nội dung 2: Hỗ trợ doanh nghiệp; hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi thành doanh nghiệp; cá nhân, nhóm cá nhân muốn thành lập doanh nghiệp, khởi nghiệp và hỗ trợ phát triển thành DNNVV; hỗ trợ DNNVV sau khi thành lập, đang hoạt động, đảm bảo phù hợp với nhu cầu chính đáng của doanh nghiệp trong từng giai đoạn. Huy động nguồn lực xã hội tham gia hỗ trợ (gọi là Hợp phần B – thuộc các hoạt động hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp và các hoạt động hỗ trợ chung cho DNNVV).

Nội dung 3: Hỗ trợ DNNVV phát triển sản xuất, kinh doanh theo chuỗi liên kết, lựa chọn các DNNVV đáp ứng đủ tiêu chuẩn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị tỉnh An Giang, ưu tiên hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng yếu, là tiềm năng và lợi thế của tỉnh gắn với phát triển tài nguyên bản địa dựa vào sức mạnh công nghệ (gọi là Hợp phần C – các hoạt động thuộc nội dung hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị).

Mô hình 1 – Mô hình thực hiện Đề án hỗ trợ DNNVV



2. Thuyết minh mô hình và tính khả thi của Đề án

Để duy trì tính bền vững của mô hình phát triển DNNVV và thực hiện thành công mục tiêu phát triển doanh nghiệp tư nhân thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, Đề án này cần đề xuất các chính sách để giải quyết tốt 4 vấn đề then chốt, bao gồm: 1) Năng lực của cơ quan quản lý và doanh nghiệp, 2) Quản trị doanh nghiệp, 3) Tổ chức sản xuất và 4) Thị trường. Các hợp phần A, B và C của Đề án nhằm giải quyết đồng bộ các vấn đề này trên cùng một địa bàn theo phương thức lựa chọn các hạng mục đầu tư hỗ trợ trên cơ sở hiệu quả kinh tế, cơ hội của thị trường và cạnh tranh. Các kết quả đầu ra của các hợp phần có sự liên hệ chặt chẽ với nhau nên trong quá trình thực hiện cần tiến hành đồng bộ. Trong đó, hợp phần A tăng cường năng lực thể chế cho các cán bộ trực tiếp thực hiện nhằm thực hiện và giám sát những mục tiêu phát triển bền vững ở mức độ toàn ngành, đảm bảo triển khai chính sách một cách đồng bộ. Kết quả hoạt động và sự thành công của Hợp phần A sẽ tạo tiền đề căn bản về khởi nghiệp và đảm bảo sự lan tỏa của chính sách và sẽ được áp dụng cụ thể vào hợp phần B. Nói cách khác, hợp phần A sẽ cung cấp các yếu tố đầu vào để hỗ trợ hợp phần B. Một cách tương tự, hợp phần B sẽ nâng cao năng lực cho doanh nghiệp khởi nghiệp; nâng cao tay nghề cho người lao động và kỹ năng quản lý của DNNVV; cung cấp các hỗ trợ thiết yếu cho doanh nghiệp. Dựa trên nền tảng từ hợp phần B, tại hợp phần C, Đề án lựa chọn các DNNVV đáp ứng đủ điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh theo chuỗi liên kết. Hợp phần C sẽ là cơ sở thực tiễn cho việc tổng kết mô hình tăng trưởng theo chuỗi giá trị, khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ của đa số doanh nghiệp hiện nay để hướng tới sản xuất theo chuỗi, cụm liên kết ngành, hội nhập quốc tế, kết quả của hợp phần C là những doanh nghiệp vững mạnh, phát triển bền vững.

Đề án đảm bảo tính toàn vẹn, có sự tiếp nối khi các doanh nghiệp ở hợp phần B đã khởi nghiệp thành công và trở thành DNNVV, lúc này chính họ lại tiếp tục tham gia vào hoạt động hỗ trợ chung cho DNNVV và tham gia chuỗi liên kết, ngược lại khi các DNNVV tham gia chuỗi thành công sẽ có tiềm lực dồi dào các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển.

III. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Thực hiện đồng bộ giải pháp được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI, phát huy vai trò kinh tế tư nhân trở thành động lực cho phát triển; Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch

để các DNNVV đóng góp ngày càng cao vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của tỉnh. Phần đầu tổng điểm PCI của tỉnh được xác định thuộc nhóm điều hành “Tốt” so với cả nước. Các chính sách ban hành được theo dõi đánh giá tác động thường xuyên.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025:

Mục tiêu 1: Tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch và ổn định để các doanh nghiệp hoạt động và phát triển:

- Đối với hỗ trợ về tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán: có ít nhất 400 lượt tư vấn hỗ trợ tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán cho DNNVV thông qua mạng lưới tư vấn viên.

- Đối với hỗ trợ mở rộng thị trường: có trên 400 lượt tư vấn hỗ trợ DNNVV xây dựng, quảng bá, phát triển sản phẩm cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên; Tổ chức được 10 lớp tập huấn, hội thảo tuyên truyền, hướng dẫn khai thác công cụ thương mại điện tử, kết nối thị trường quốc tế.

- Đối với hỗ trợ thông tin và pháp lý: thực hiện trên 400 bài viết, video, infographic cung cấp thông tin, chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ DNNVV; Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu của trên 5.000 doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp lớn, đầu tàu, dẫn dắt) đang hoạt động trên địa bàn trên nền tảng Bản đồ số doanh nghiệp.

- Đối với hỗ trợ về thủ tục hành chính: tổ chức 6 Hội nghị giải đáp thắc mắc về thủ tục hành chính cho DNNVV; thực hiện trên 200 chuyên mục hỏi đáp về thủ tục hành chính, giải đáp thắc mắc về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Mục tiêu 2: Nâng cao năng lực của DNNVV

- Đối với hỗ trợ tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng: có trên 400 lượt hỗ trợ tiếp cận tài chính, tín dụng mở rộng sản xuất thông qua mạng lưới tư vấn viên cho DNNVV; Đăng trên 100 bản tin kết nối thông tin nguồn vốn cho doanh nghiệp.

- Đối với hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực: tổ chức trên 11 lớp về chủ trương, chính sách của tỉnh về hỗ trợ DNNVV cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức ít nhất 50 lớp nâng cao năng lực quản lý và chuyển đổi số cho DNNVV; đào tạo nghề sơ cấp và nâng cao năng lực cho 2.000 lao động của DNNVV, giúp cho người lao động có thu nhập cao hơn ít nhất 7% so với người chưa qua đào tạo.

- Đối với hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: thực hiện trên 400 lượt tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho DNNVV để nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh; Cung cấp ít nhất 200 lượt tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ cho DNNVV.

Mục tiêu 3: Thúc đẩy hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi thành doanh nghiệp, thúc đẩy DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, DNNVV kinh doanh bền vững.

- Đối với hỗ trợ thành lập doanh nghiệp: Đến hết năm 2025 có trên 15.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, trong đó mỗi năm có từ 30 – 50 Hộ kinh doanh chuyển thành Doanh nghiệp.

- Đối với hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo: Hỗ trợ trên 100 lượt sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; Hỗ trợ ít nhất 300 lượt tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; Hỗ trợ trên 400 lượt DNNVV thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới; hơn 80 lượt DNNVV được hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ; Cung cấp trên 200 lượt đào tạo chuyên sâu trong nước và nước ngoài cho học viên của doanh nghiệp; Hỗ trợ ít nhất 500 lượt DNNVV về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo; Tổ chức trên 10 hội thảo, tọa đàm đối thoại giữa chính quyền, doanh nghiệp với cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng khởi nghiệp.

- Đối với hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: Hỗ trợ trên 200 lượt đào tạo để DNNVV nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường; Hỗ trợ ít nhất 100 lượt (hợp đồng/doanh nghiệp) tư vấn liên kết sản xuất, kinh doanh, trên 400 lượt tư vấn phát triển thương hiệu, hỗ trợ mở rộng thị trường; Hỗ trợ trên 200 lượt tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; hơn 100 lượt thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng; trên 20 lượt hỗ trợ giao lưu hợp tác, học tập mô hình, kinh nghiệm về phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, kết nối đầu tư, kết nối các doanh nghiệp dẫn dắt và các DNNVV, các thành phần trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Đối với hỗ trợ kinh doanh bền vững: Thực hiện trên 60 tin bài, phóng sự thông tin, chính sách mô hình hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững; Tổ chức trên 30 khóa đào tạo về kinh doanh bền vững; Xây dựng mạng lưới

chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững; Hỗ trợ trên 300 lượt tư vấn kinh doanh bền vững.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Đối tượng của Đề án

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định theo quy định tại Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Các hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có tiềm năng và đủ điều kiện phát triển chuyển đổi thành doanh nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp và cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp cho DNNVV trong và ngoài tỉnh.

- Các Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác hỗ trợ doanh nghiệp.

2. Phạm vi hỗ trợ

- Các DNNVV thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thời gian: triển khai thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nguyên tắc hỗ trợ, trình tự, thủ tục lựa chọn

3.1. Nguyên tắc hỗ trợ

- Đề án hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh An Giang được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn An Giang đến năm 2025.

3.2. Trình tự, thủ tục lựa chọn doanh nghiệp

a) Xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định theo quy định tại Điều 4 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

- DNNVV đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo tại Khoản 2 Điều 3, đồng thời đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa và được xác định theo một trong các tiêu chí tại Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn để hỗ trợ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

- Cụm liên kết ngành được xác định theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Khoản 1 Điều 23 Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành được lựa chọn hỗ trợ khi đáp ứng một trong các tiêu chí được quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chuỗi giá trị được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Khoản 1 Điều 24 Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị được lựa chọn hỗ trợ khi đáp ứng một trong các tiêu chí được quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

V. NỘI DUNG VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DNNVV

Thực hiện theo quy định tại Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, trên cơ sở kết quả khảo sát đánh giá thực trạng DNNVV trên địa bàn tỉnh, việc hỗ trợ DNNVV của tỉnh An Giang đến năm 2025 trong Đề án này bao gồm những nội dung và chính sách sau:

1. Nhóm nội dung và chính sách hỗ trợ chung

1.1. Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi từ mô hình kinh doanh truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... từng bước thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty. Chuyển dần từ hoạt

động kinh doanh đơn thuần sang hoạt động trực tuyến (thanh toán điện tử, kế toán điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử);

- Hỗ trợ DNNVV nâng cao hiểu biết, nhận thức về tính hiệu quả của việc xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp; ứng dụng công nghệ vào sản xuất, ưu tiên phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ và du lịch;

- Hỗ trợ doanh nghiệp liên kết, hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học trong việc đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, đào tạo nhân lực,...

- Cung cấp không gian chung cho DNNVV với các tiện ích dịch vụ chuyên nghiệp nhằm hỗ trợ các bạn trẻ khởi nghiệp, nâng cao tính năng động, sáng tạo, hợp tác, xây dựng cộng đồng doanh nghiệp. Chi phí làm việc tại “Không gian làm việc chung” chỉ bằng 1/10 các chi phí phát sinh khi làm việc tại các văn phòng thuê riêng. Với những bạn trẻ giàu ý tưởng, nhiệt huyết, nhưng thiếu vốn thì những không gian làm việc chung với chi phí rẻ, tính cộng đồng cao là lựa chọn lý tưởng để khởi nghiệp.

b) Giải pháp và chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh. Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

- Hỗ trợ tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh. Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

- Hỗ trợ tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp. Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

- Hỗ trợ tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp. Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

- Để tăng tốc và phát triển mạnh mẽ hơn, tiến tới tự chủ, đóng góp cho ngân sách Trung ương, việc xây dựng Không gian khởi nghiệp nông nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh An Giang là rất cần thiết và là bước khởi đầu cho một định hướng chiến

lược lâu dài và phát triển bền vững. Không gian được thành lập đảm nhiệm vai trò dẫn dắt từ hình thành ý tưởng đến khởi nghiệp, kết nối tham gia chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, với định hướng không chỉ là đầu mối của lĩnh vực khởi nghiệp mà còn là đầu mối của hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiến tới hình thành quỹ đầu tư khởi nghiệp. Hoạt động của Không gian sẽ góp phần chuyển dần từ nền nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún sang nền nông nghiệp hàng hóa có hàm lượng khoa học công nghệ cao sức tăng trưởng nhanh, thúc đẩy công nghiệp chế biến, thương mại, xuất khẩu, dịch vụ logistics cùng phát triển. Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Dự kiến kinh phí thực hiện: 72.850 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): 47.925 triệu đồng;
- Ngân sách Trung ương hỗ trợ (dự kiến): 24.925 triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục 1.1 – Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa)

1.2. Hỗ trợ về tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ tư vấn về tài chính, kế toán, kiểm toán cho DNNVV thông qua mạng lưới tư vấn viên của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; giải đáp kịp thời những khó khăn vướng mắc về thuế, chế độ kế toán trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV; góp phần giảm chi phí hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh cho DNNVV.

b) Giải pháp và chính sách hỗ trợ

- Hướng dẫn DNNVV tiếp cận mạng lưới tư vấn viên do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về tài chính, kế toán, kiểm toán theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp xã hội;

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc không quá 150 triệu

đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội;

+ Hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa hoặc không quá 200 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp xã hội.

c) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh.

d) Dự kiến kinh phí thực hiện: 39.450 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): 19.725 triệu đồng;

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ (dự kiến): 19.725 triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục 1.2 – Hỗ trợ về tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán)

1.3. Hỗ trợ mở rộng thị trường

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ DNNVV xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, nhãn hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý; hệ thống các dấu hiệu nhận diện và xây dựng chiến lược phát triển nhãn hiệu sản phẩm và thương hiệu doanh nghiệp, ưu tiên các thương hiệu, nhãn hiệu gắn với sản phẩm đặc thù, thế mạnh của An Giang;

- Hỗ trợ DNNVV ứng dụng sàn thương mại điện tử để quảng bá, tiếp thị mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Hỗ trợ DNNVV tham gia các Chương trình, Ngày hội Mua sắm trực tuyến.

b) Giải pháp và chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ DNNVV tiếp cận thông tin thị trường trong nước và quốc tế một cách kịp thời, chính thống trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Sở Công thương, trang Thông tin thị trường bằng các bài viết, bài nghiên cứu, ảnh minh họa, Video, infographic qua đó trợ giúp các DNNVV trong việc định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp;

- Hỗ trợ DNNVV tiếp cận mạng lưới tư vấn viên do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý sử dụng dịch vụ tư vấn về xây dựng, quảng bá, phát triển nhãn hiệu sản phẩm và thương hiệu theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ

- Tổ chức diễn đàn kết nối doanh nghiệp với các nhà cung cấp dịch vụ về chuyển đổi mô hình kinh doanh, chuyển đổi công nghệ, mô hình quản trị truyền thống sang mô hình doanh nghiệp số;

- Đào tạo, tập huấn cán bộ DNNVV về kỹ thuật quản trị vận hành website, truyền thông, kỹ năng sử dụng và tham gia các sàn thương mại điện tử (B2C, B2B, G2B) trong nước và quốc tế, kỹ năng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Thực hiện theo nội dung quy định tại Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT (*chi tiết tại Diễn giải A*) và tham khảo định mức tại Thông tư 49/2019/TT-BTC (*chi tiết tại Phụ lục A3*);

- Tuyên truyền những quy định Điều ước quốc tế về thương mại, các quy định của Hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; khuyến cáo các doanh nghiệp thực thi pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh; trao đổi kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật.

c) Đơn vị phối hợp thực hiện: Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư.

d) Dự kiến kinh phí thực hiện: 43.291 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): 22.066 triệu đồng;

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ (dự kiến): 21.225 triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục 1.3 – Hỗ trợ mở rộng thị trường)

1.4. Hỗ trợ thông tin và pháp lý

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ thông tin về các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển DNNVV và các thông tin khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Hình thành đầu mối tiếp nhận đăng ký hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh với email, website và số điện thoại đường dây nóng.

b) Giải pháp và chính sách hỗ trợ

- Hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để giới thiệu, phổ biến trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành các bài viết, phân tích chuyên sâu, Video, infographic để doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng miễn phí các thông tin này;

- Tạo lập cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ cho công tác tra cứu, nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ hợp tác

trên địa bàn tỉnh; số hóa các lĩnh vực, dữ liệu (được phép chia sẻ) để phục vụ nhu cầu tra cứu, nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp (thực hiện Dự án xây dựng bản đồ số doanh nghiệp – viết tắt là GIS Doanh nghiệp An Giang).

c) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

d) Dự kiến kinh phí thực hiện: 5.048 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): 5.048 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1.4 – Hỗ trợ thông tin và pháp lý)

1.5. Hỗ trợ về thủ tục hành chính

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ DNNVV giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính và tiếp cận thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, hiệu quả;

- Giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, cam kết không gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp đảm bảo đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức khi thực thi công vụ.

b) Giải pháp và chính sách hỗ trợ

- Tổ chức hội nghị đối thoại về thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá thuận lợi, khó khăn khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, người dân tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và các bộ phận một cửa các huyện, thị xã, thành phố;

- Xây dựng chuyên mục hỏi đáp về thủ tục hành chính trên Báo An Giang và Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang “Doanh nghiệp hỏi - Cơ quan nhà nước trả lời”. Phát lại trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước, các Hiệp hội doanh nghiệp,...;

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực theo hướng đơn giản, giảm bớt thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, rà soát tham mưu đề xuất cắt giảm các thủ tục, điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý đã và đang gây khó khăn, phiền hà, bất lợi cho doanh nghiệp theo Nghị quyết số 139 ngày 9/11/2018 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao tỷ lệ đăng ký và giải quyết hồ sơ trực tuyến cấp độ 3 và 4;

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thông thoáng đúng nghĩa, thực hiện tốt công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, từng bước thay đổi tư duy từ “cấp phép, cho phép” sang “hỗ trợ, chăm sóc nhà đầu tư”;

- Thường xuyên cập nhật và đăng tải đầy đủ tài liệu hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính thuộc tất cả các lĩnh vực của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố trên môi trường mạng đảm bảo ngôn ngữ, phương thức thực hiện đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện;

- Thường xuyên kiểm tra đánh giá trình độ, năng lực công tác, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Quán triệt tinh thần tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, nghiêm cấm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

c) Đơn vị phối hợp thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện các nội dung tại *Phụ lục 1.5*;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

d) Dự kiến kinh phí thực hiện: 1.347 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): 1.347 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1.5 – Hỗ trợ về thủ tục hành chính)

1.6. Hỗ trợ tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ DNNVV xây dựng hồ sơ tiếp cận vốn, lập phương án sản xuất kinh doanh khả thi, minh bạch hóa tài chính nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp siêu nhỏ;

- Hỗ trợ DNNVV tiếp cận thông tin về các quỹ tài trợ, đầu tư, vốn vay ưu đãi nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng của DNNVV;

- Hỗ trợ thông tin kịp thời đến các ngân hàng, tổ chức tín dụng nhằm giúp ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp cận và nhận ủy thác cho vay đối với các nguồn vốn vay ưu đãi, gói tín dụng của Chính phủ, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để hỗ trợ cho DNNVV vay vốn trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đặc thù được UBND tỉnh ưu tiên và chú trọng phát triển.

b) Giải pháp và chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ DNNVV tiếp cận mạng lưới tư vấn viên do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý sử dụng dịch vụ tư vấn về xây dựng hồ sơ tiếp cận vốn, lập phương án sản xuất kinh doanh khả thi theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

- Các Quỹ tài chính của tỉnh, đặc biệt là Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV phối hợp với các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh xây dựng Kế hoạch kinh doanh cụ thể, triển khai một cách đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ DNNVV theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định, trong đó, ưu tiên DNNVV được thành lập mới hoặc có mức tín nhiệm tín dụng cao được thực hiện cơ chế bảo lãnh tín dụng;

- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh An Giang chỉ đạo các tổ chức tín dụng chủ động nghiên cứu, xây dựng các chương trình, gói tín dụng với lãi suất phù hợp, minh bạch và đơn giản thủ tục vay vốn, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng để tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp vay vốn trên cơ sở các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, gói tín dụng của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện, nhất là DNNVV;

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh phối hợp các cơ quan, tổ chức, quỹ tín dụng, hỗ trợ và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác thông qua đăng các tin bài được cập nhật trên website của Hiệp hội, nhằm nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của DNNVV, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Đơn vị phối hợp thực hiện: Quỹ đầu tư phát triển tỉnh An Giang, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh An Giang, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

d) Dự kiến kinh phí thực hiện: 38.115 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): 19.065 triệu đồng;

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ (dự kiến): 19.050 triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục 1.6 – Hỗ trợ tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng)

1.7. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp, quản trị kinh doanh cơ bản cho chủ DNNVV, các doanh nghiệp thành lập mới, nhóm cá nhân có ý tưởng khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh;

- Hỗ trợ trang bị, bổ sung, cập nhật kiến thức về quản trị chiến lược; quản trị nhân sự; quản trị tài chính, chi phí; quản trị sản xuất, công nghệ; quản trị

marketing, bán hàng, thị trường, chuỗi cung ứng; quản trị rủi ro; quản trị hệ thống thông tin nội bộ; các nội dung về chuyển đổi số liên quan đến quản trị doanh nghiệp; đào tạo phát triển các kỹ năng, tâm lý cho người lao động, cán bộ quản lý; các chuyên đề khác liên quan đến quá trình sản xuất, kinh doanh, vận hành doanh nghiệp; đào tạo giám đốc điều hành (CEO); giám đốc sản xuất (CPO); giám đốc tài chính (CFO); giám đốc nhân sự (CHRO); giám đốc kinh doanh (CCO); giám đốc vận hành (COO)... giúp DNNVV nâng cao năng lực, tăng hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng và tác động của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên;

- Hỗ trợ DNNVV số hoá mô hình kinh doanh, dữ liệu, tài liệu của doanh nghiệp nhằm giúp chủ doanh nghiệp nắm bắt được toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp một cách minh bạch, chính xác, nhanh chóng thông qua dữ liệu số để ra các quyết định kinh doanh phù hợp cho từng thời điểm;

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động có kỹ năng, tay nghề đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tạo nguồn lao động tại chỗ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp trong các lĩnh vực nông nghiệp (phát triển nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao), thương mại, dịch vụ, du lịch. Từ đó, góp phần hạn chế đào tạo lại lao động, hạn chế tình trạng lao động di cư đi nơi khác, làm thiếu hụt tình trạng lao động trong tỉnh.

b) Giải pháp và chính sách hỗ trợ

- Đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ doanh nghiệp tại các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố về kiến thức khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (công nghệ 4.0); kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ, lập kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, phương pháp thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

- Đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh cho chủ doanh nghiệp, CEO, CFO, người lao động của các DNNVV, các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp thành lập mới, nhóm cá nhân có ý tưởng kinh doanh muốn khởi sự doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đảm bảo cung cấp kiến thức, kinh nghiệm cơ bản và chuyên sâu về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp phù hợp với xu hướng hiện đại. Thực hiện theo nội dung quy định tại Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT (*chi tiết tại Diễn giải A*) và định mức tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP (*chi tiết tại Phụ lục A2 và Phụ lục A3*);

- Đào tạo về chuyển đổi số cho doanh nghiệp; đảm bảo nâng cao nhận thức, đào tạo và triển khai toàn diện về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp hướng đến mục tiêu: Ứng dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện theo nội dung quy định tại Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT (*chi tiết tại Diễn giải A*) và định mức tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP (*chi tiết tại Phụ lục A3*);

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động theo từng ngành nghề đáp ứng yêu cầu của DNNVV: Lao động đang làm việc trong DNNVV đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ khi tham gia khóa đào tạo nghề được miễn chi phí đào tạo nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/người/khóa học; mỗi người một lần, không bao gồm tiền ăn, đi lại và các chi phí khác phát sinh khi học viên tham gia khóa đào tạo;

- Kết nối cung - cầu lao động thông qua hệ thống sàn giao dịch việc làm, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

- Khảo sát, nắm bắt nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trực tuyến cho DNNVV nhằm nâng cao năng lực cho DNNVV phù hợp với ngành nghề, lĩnh vực hoạt động và nhu cầu đào tạo.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

d) Dự kiến kinh phí thực hiện: 6.674 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): 3.576 triệu đồng;

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ (dự kiến): 3.098 triệu đồng;

(*Chi tiết tại Phụ lục 1.7 – Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực*)

2. Nhóm chính sách hỗ trợ trọng tâm

2.1. Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh

a) Điều kiện hỗ trợ

- Các DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 16 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng các hỗ trợ theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Nội dung và chính sách hỗ trợ

- Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu; miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia;
- Hỗ trợ thủ tục đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
- Hỗ trợ tư vấn miễn phí hồ sơ, thủ tục đăng ký thành lập mới doanh nghiệp;
- Miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định tại Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài;
- Được tư vấn hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

c) Đơn vị thực hiện

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ;
- Cục Thuế tỉnh thực hiện các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2.2 Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

a) Đối tượng, phạm vi, phương thức lựa chọn

Đối tượng: Doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại Khoản 2 Điều 3, đồng thời đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa và được xác định theo một trong các tiêu chí tại Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Phạm vi: Đề án hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo thuộc các lĩnh vực tiềm năng và thế mạnh của tỉnh gồm: nông nghiệp thông minh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghệ sinh học, du lịch, công nghiệp hỗ trợ; công nghệ vật liệu mới; công nghệ trong lĩnh vực ICT (Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, điện toán đám mây); công nghệ tài chính-ngân hàng; thương mại điện tử; giáo dục đào tạo chất lượng cao, y tế chuyên sâu, các dự án có mục đích phục vụ lợi ích xã hội, cộng đồng và giải quyết các thách thức trong phát triển kinh tế xã hội.

Phương thức lựa chọn DNNVV được hỗ trợ: Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn để hỗ trợ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ..

b) Nội dung và chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung

+ Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

- Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ công nghệ

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

- Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử;

+ Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

c) Nhiệm vụ và giải pháp

- Hỗ trợ thúc đẩy phát triển các cơ sở ươm tạo thông qua việc tổ chức giới thiệu và kết nối các cơ sở ươm tạo với các đơn vị chủ trì triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV để các cơ sở ươm tạo có cơ hội tiếp cận và tham gia triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV phù hợp với năng lực chuyên môn;

- Tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp, thanh niên; Tổ chức các cuộc giao lưu giữa sinh viên, nhóm cá nhân có ý tưởng khởi nghiệp với các doanh nhân thành đạt, nói chuyện chuyên đề về khởi nghiệp;

- Tổ chức tìm kiếm, kêu gọi, khuyến khích các nhà đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các nhà đầu tư này là các quỹ đầu tư khởi nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần góp vốn của DNNVV khởi nghiệp sáng tạo;

- Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn, tạo kênh chia sẻ kết quả tư vấn cho DNNVV, nắm bắt tình hình phát triển DNNVV trên địa bàn tỉnh thông qua thông tin chia sẻ từ các nhà tư vấn, trao đổi các nội dung cần hỗ trợ, tư vấn từ cơ quan quản lý nhà nước địa phương, cập nhật dữ liệu mạng lưới các nhà tư vấn quản trị DNNVV tỉnh An Giang.

d) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Tỉnh đoàn.

e) Dự kiến kinh phí thực hiện: 83.130 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): **41.693** triệu đồng;

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ (dự kiến): **41.438** triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục 1.8 – Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo)

2.3. Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

a) Phạm vi, điều kiện và phương thức lựa chọn

Phạm vi: Đề án hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất, chế biến thuộc 3 ngành hàng tiềm năng, có thế mạnh của tỉnh gồm: lúa gạo, cây ăn trái, thủy sản.

Điều kiện và phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành được hỗ trợ: Cụm liên kết ngành được xác định theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết

ngành được lựa chọn hỗ trợ khi đáp ứng một trong các tiêu chí được quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

Điều kiện và phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị được hỗ trợ: Chuỗi giá trị được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị được lựa chọn hỗ trợ khi đáp ứng một trong các tiêu chí được quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Nội dung và chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ đào tạo

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khóa/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường

+ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không

quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế;

+ Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng

+ Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng

+ Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Nhiệm vụ và giải pháp

- Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng giải pháp kết nối doanh nghiệp lớn của vùng, ngành với DNNVV trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhằm tận dụng lợi thế vùng sản phẩm, tiêu chuẩn hoá sản phẩm;

- Tổ chức đoàn ra, đoàn vào, giao lưu hợp tác, học tập mô hình, kinh nghiệm về phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong và ngoài nước;

- Tổ chức sự kiện, hội nghị kết nối đầu tư, kết nối các doanh nghiệp dẫn dắt và các DNNVV, các thành phần trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; Tổ chức hội nghị, hội thảo về cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

d) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư.

e) Dự kiến kinh phí thực hiện: 54.856 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): **27.781** triệu đồng;

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ (dự kiến): **27.075** triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục 1.9 - Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị)

2.4. Hỗ trợ DNNVV kinh doanh bền vững

a) Đối tượng hỗ trợ

- Các doanh nghiệp khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp kinh doanh bền vững).

- Kinh doanh bền vững bao gồm:

+ Mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn: là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

+ Mô hình kinh doanh bao trùm: là mô hình kinh doanh huy động người thu nhập thấp tham gia trong chuỗi giá trị của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; trong đó, người thu nhập thấp có thể tham gia với vai trò là nhà cung ứng, là khách hàng, là nhà phân phối hay có thể là người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các giá trị chia sẻ.

+ Các mô hình kinh doanh bền vững khác: là mô hình kinh doanh đảm bảo các yếu tố bền vững về kinh tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

b) Nội dung và chính sách hỗ trợ

Doanh nghiệp được đánh giá và công nhận là doanh nghiệp kinh doanh bền vững được hỗ trợ các nội dung sau:

- Hỗ trợ tư vấn, đào tạo, bao gồm cả hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp về xây dựng chiến lược, thiết kế mô hình, phương án kinh doanh bền vững; nhân sự; tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện về áp dụng và phát triển mô hình kinh doanh bền vững.

- Hỗ trợ công nghệ bao gồm: tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, đo lường chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; tư vấn lựa chọn giải pháp chuyển đổi số.

- Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh bền vững.

- Hỗ trợ tư vấn tiếp cận tài chính, gọi vốn đầu tư.

- Hỗ trợ về truyền thông, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh bền vững của doanh nghiệp: hỗ trợ đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế; hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài.

c) Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững trên tinh thần huy động nguồn lực xã hội, từng bước phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh bền vững, góp phần tạo việc làm, nâng cao mức sống cho người lao động, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam theo định hướng của Chính phủ tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 – 2025”.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện lồng ghép nội dung Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 – 2025 vào các hoạt động hỗ trợ DNNVV đối với các nội dung do ngân sách địa phương bố trí.

- Đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tích cực vận động nguồn vốn hỗ trợ từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ thực hiện các hoạt động phát triển doanh nghiệp kinh doanh bền vững không do ngân sách địa phương bố trí.

d) Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

đ) Dự kiến kinh phí thực hiện: 45.068 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): **26.367** triệu đồng;

- Nguồn kinh phí xã hội hóa (dự kiến): **18.701** triệu đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục 1.10 - Hỗ trợ kinh doanh bền vững)

3. Nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ DNNVV

Hoạt động truyền thông được coi là một chức năng quản lý xuyên suốt và mang tính hỗ trợ cho các hoạt động của Đề án.

3.1. Mục tiêu công tác truyền thông

- Phổ biến, tuyên truyền các thông tin về các chính sách hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, các dự án, mô hình khởi nghiệp thành công đến các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân;

- Tuyên truyền phổ biến những lợi ích, sự hỗ trợ của Chính phủ và tỉnh An Giang đối với chủ trương, chính sách khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp nhằm thu hút sự quan tâm của các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh có điều kiện chuyển đổi thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.2. Phương pháp thực hiện truyền thông

Đề án sử dụng đa hình thức/đa phương tiện/đa kênh trong công tác truyền thông, cụ thể:

- Các kênh truyền thông chính thức gồm Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang, Báo An Giang: Cơ quan chủ trì Đề án sẽ hợp tác với các kênh truyền thông này để giới thiệu thông tin về các chính sách hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, các dự án, mô hình khởi nghiệp thành công, những lợi ích

của việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, các mô hình khởi nghiệp thành công trong và ngoài tỉnh;

- Các kênh truyền thông trực tiếp: là những kênh sử dụng các sản phẩm truyền thông như tờ rơi, sách giới thiệu... để tăng mức độ nhận biết về các chính sách hỗ trợ DNNVV, hướng dẫn thực hiện quy trình đăng ký doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử;

- Các kênh truyền thông đa phương tiện như website: Đề án sử dụng các kênh truyền thông thông qua website của các Sở, ban ngành, đồng thời nâng cấp Website của Sở Kế hoạch và Đầu tư để cung cấp thông tin về các hoạt động của Đề án, tổng hợp và lưu trữ các tài liệu hữu ích liên quan để chia sẻ và phổ biến kinh nghiệm từ các hoạt động Đề án;

- Các kênh truyền miệng, chia sẻ thông điệp qua các đối tượng có uy tín trong cộng đồng như lãnh đạo doanh nghiệp; lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn; giảng viên trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp: Đây là những kênh có ý nghĩa rất quan trọng để thu hút sự tham gia của người dân, nhất là thanh niên tham gia vào các hoạt động khởi nghiệp.

3.3. Đơn vị thực hiện:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các nội dung tại Phụ lục 1.11;

- Báo An Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang, Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

3.4. Dự kiến kinh phí thực hiện: 778 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh (dự kiến): **778** triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1.11 – Tuyên truyền, phổ biến chính sách)

VI. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Theo ước tính, tổng nguồn vốn thực hiện những hoạt động hỗ trợ nhằm đạt những mục tiêu đề ra của Đề án đến năm 2025 là **387.900** triệu đồng (*xem chi tiết Phụ lục 1*), trong đó:

- Vốn từ ngân sách tỉnh (dự kiến): **231.365** triệu đồng để thực hiện các chính sách hỗ trợ. Trong đó:

- + Vốn chi thường xuyên: **203.365** triệu đồng

- + Vốn đầu tư công: **28.000** triệu đồng

- Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương (dự kiến): **156.535** triệu đồng (đề xuất nguồn vốn Trung ương giai đoạn 2022-2025). Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho các địa phương chưa cân đối được ngân sách để hỗ trợ DNNVV theo Điểm a Khoản 2 Điều 28 Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Ghi chú: Ngoài tổng kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương còn có nguồn vốn khác là vốn đối ứng của các doanh nghiệp theo quy định, bao gồm: (1) 160 triệu đồng ở Hoạt động Hỗ trợ mở rộng thị trường; (2) 380 triệu đồng ở Hoạt động Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; (3) 18.701 triệu đồng ở Hoạt động Hỗ trợ DNNVV kinh doanh bền vững.

- Các đơn vị thực hiện có trách nhiệm tăng cường vận động nguồn vốn hỗ trợ từ các doanh nghiệp tham gia Đề án và lồng ghép vào các chương trình, đề án đang thực hiện để giảm bớt sự phụ thuộc vào ngân sách.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Đề án. Hướng dẫn về trình tự hồ sơ, thủ tục nhận hỗ trợ đối với những nội dung, chính sách hỗ trợ thuộc chức năng và nhiệm vụ của mình.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong năm 2022 và các năm tiếp theo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính căn cứ vào khả năng cân đối nguồn lực, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hằng năm và trung hạn từ nguồn ngân sách chi thường xuyên và chi đầu tư công, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất bổ sung kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Xây dựng tài liệu giới thiệu, triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến việc hỗ trợ DNNVV và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Công báo tỉnh để doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng miễn phí các thông tin này.

- Chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng hỗ trợ doanh nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ đào tạo khởi sự và quản trị kinh doanh cho DNNVV.

Khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp và xây dựng bộ tài liệu đào tạo trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Thực hiện tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp; Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh đến thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp đúng hoặc sớm hơn thời gian quy định.

- Xây dựng Chuyên mục Hỗ trợ doanh nghiệp trên Trang Thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư nhằm công bố công khai thông tin hỗ trợ DNNVV.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định cụ thể trình tự, thủ tục thực hiện, trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan phối hợp trong việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, giám sát kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng bộ hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ tư vấn cho DNNVV, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp (khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh), hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết, chuỗi giá trị theo phân công của Đề án, đảm bảo đúng quy định pháp luật và thuận tiện theo dõi, đánh giá, giám sát quá trình thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành chính sách hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn theo Điều 11 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, rà soát, bố trí quỹ đất, đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng “Không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nông nghiệp”.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụm công nghiệp trong quá trình tổng hợp, xây dựng Quy hoạch tỉnh.

- Thực hiện lồng ghép nội dung Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022 - 2025 vào Kế hoạch thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hàng năm đối với các nội dung do ngân sách địa phương bố trí.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh. Định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp kết quả thực hiện Đề án báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Hàng năm tổng hợp, đề xuất tỉnh khen thưởng kịp thời các sở, ngành, các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có thành tích thực hiện tốt Đề án.

2. Sở Tài chính

- + Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện Đề án theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước. Đồng thời, lồng ghép với các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- + Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh thực hiện tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính, thuế và chế độ kế toán cho DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

- + Phối hợp với Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính địa phương, nhất là Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang.

- + Phối hợp với Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan xây dựng mạng lưới kết nối DNNVV với các quỹ tài chính địa phương và các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, phổ biến thông tin các nguồn vốn vay hỗ trợ cho DNNVV.

- + Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (chỉ thường xuyên) hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; kinh phí quản lý các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp về tìm kiếm thông tin thị trường, quảng bá sản phẩm trên các sàn giao dịch thương mại điện tử và kết nối tiêu thụ các sản phẩm đầu ra của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề do nữ làm chủ vào các siêu thị, cửa hàng tiện ích, trung tâm thương mại và các hệ thống phân phối lớn trong và ngoài tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề do nữ làm chủ tham gia các Phiên chợ, chuyển hàng Việt về nông thôn góp phần thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.

- Hướng dẫn xây dựng chương trình, giải pháp khuyến khích sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và đẩy mạnh xuất khẩu bằng các website, công cụ trực tuyến.

- Khuyến khích, hướng dẫn doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh thành lập các chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% DNNVV tham gia trong chuỗi theo quy định.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì triển khai thực hiện các chương trình hỗ trợ, phổ biến, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến tới các DNNVV; Hướng dẫn, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng quốc tế.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham gia nghiên cứu sáng chế công nghệ cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh; chuyển giao ứng dụng thương mại hóa các đề tài đề án, phát minh, sáng kiến ...

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quỹ đất công do cấp tỉnh quản lý để DNNVV thuận lợi trong tiếp cận đất đai.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp về thủ tục đất đai, môi trường để triển khai dự án.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác quản lý và sử dụng đất đai của các doanh nghiệp, kiên quyết thu hồi đất đối với trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 64 Luật Đất đai.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, đôn đốc, nhắc nhở giải quyết những khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực của Sở, Ban, ngành tỉnh.

7. Trung tâm Phục vụ Hành chính công

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, đảm bảo nội dung đơn giản, dễ tiếp cận đối với doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Sở Nội vụ

- Thanh tra, kiểm tra công vụ đối với công tác cải cách hành chính, đặc biệt là các cơ quan thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng, cấp giấy phép hoạt động kinh doanh ngành nghề có điều kiện và các thủ tục hành chính khác liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp.

- Tăng cường kiểm tra đạo đức công vụ, đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Phát hiện kịp thời và kiên quyết xử lý hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp vi phạm đạo đức công vụ, gây phiền hà, nhũng nhiễu doanh nghiệp.

9. Sở Tư pháp

- Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp xây dựng); Chủ trì, phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý trong kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu trả lời vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp đăng lên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản trả lời của các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến.

- Cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chung về tổ chức thực hiện, theo dõi và đánh giá việc triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai công tác truyền thông về chính sách hỗ trợ DNNVV của tỉnh; chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung hỗ trợ của Đề án.

- Chủ trì triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website, chuyển đổi số, chuyển từ quản trị truyền thống sang quản trị trực tuyến, số hóa các hoạt động kinh doanh, tiến tới xây dựng nền kinh tế số.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan đề xuất, lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ DNNVV.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV. Tổng hợp kế hoạch và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn theo quy định hiện hành, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV.

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động thông qua hệ thống sàn giao dịch việc làm để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Cục Thuế tỉnh

- Giao các Chi cục Thuế chủ động phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố vận động, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Phổ biến, khuyến khích các hộ kinh doanh có sử dụng thương xuyên

từ 10 lao động trở lên hoặc có từ 02 địa điểm kinh doanh trở lên chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh.

14. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh An Giang

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực hiện các nội dung:

- Thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng có hiệu quả để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ưu tiên tập trung vốn cho vay các lĩnh vực ưu tiên trong đó có các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị...;

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các quy trình cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng. Tiếp tục thực hiện các chương trình tiếp xúc, kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp;

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện các giải pháp cải thiện và minh bạch hóa thông tin về các chương trình tín dụng, các biểu phí, lãi suất, điều kiện vay vốn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng theo cơ chế thị trường;

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh.

15. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Phổ biến, công khai quy hoạch, quỹ đất sạch trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cho các doanh nghiệp biết để tiếp cận mặt bằng sản xuất;

- Khai thác hiệu quả các khu công nghiệp, khu kinh tế đã được Chính phủ phê duyệt và tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng, tạo nguồn cung sẵn có về mặt bằng sản xuất kinh doanh, khuyến khích, định hướng để doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế. Tạo điều kiện thuận lợi để các DN NVV hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định khi thuê mặt bằng tại khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh.

16. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, hỗ trợ DNNVV tham gia hội chợ triển lãm, hội chợ thương mại. Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện thủ tục nhận hỗ trợ khi tham gia hội chợ.

- Triển khai thực hiện các nội dung, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình, theo sự phân công của Đề án và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh.

17. Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học, cao đẳng và các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh

Thúc đẩy hoạt động sáng tạo, nghiên cứu khoa học và tinh thần khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích đưa các chương trình giảng dạy khởi nghiệp vào các trường đại học, cao đẳng và các cơ sở giáo dục ..., để hỗ trợ triển khai và đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên. Tham gia hỗ trợ đào tạo lao động cho các doanh nghiệp.

18. Các Sở, Ban, ngành khác

- Tuyên truyền, phổ biến về chính sách khuyến khích, nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên tỉnh An Giang đến năm 2025.

- Các sở, ngành liên quan đến việc cấp giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn, tư vấn miễn phí về thủ tục hồ sơ, tạo mọi điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp thành lập mới được chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

- Thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin có liên quan khác theo quy định tại Điều 29 Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến sở, ban, ngành, cơ quan mình phụ trách. Định kỳ 6 tháng (ngày 15 tháng 6), hàng năm (ngày 15 tháng 12) báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án gửi Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

19. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức khảo sát đánh giá tình hình hoạt động, nhu cầu thành lập doanh nghiệp của các hộ kinh doanh trên địa bàn. Lập danh sách các hộ có nhu cầu

chuyển đổi thành doanh nghiệp gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và hướng dẫn các hộ chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận đất đai trên địa bàn huyện theo quy hoạch. Đẩy mạnh thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo mặt bằng sạch thu hút DNNVV đầu tư kinh doanh.
- Phối hợp với Sở, Ban, ngành thực hiện các nội dung, chính sách hỗ trợ DNNVV theo Đề án này theo chức năng, nhiệm vụ và địa bàn quản lý.

20. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Đề án hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Chủ động, tích cực tham gia phối hợp, triển khai có hiệu quả các nội dung, chính sách hỗ trợ DNNVV theo Đề án này.

21. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và Hội doanh nhân trẻ, Hội nữ doanh nhân tỉnh An Giang

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan triển khai các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp; thông tin phổ biến vận động hội viên tích cực tham gia hưởng ứng thực hiện Đề án; Thực hiện việc kết nối cộng đồng doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện Đề án; Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp kịp thời kiến nghị với UBND tỉnh để tháo gỡ, tạo môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển.
- Tích cực vận động nguồn vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ thực hiện các hoạt động phát triển doanh nghiệp kinh doanh bền vững không do ngân sách địa phương bố trí.

22. Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn

- Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan chức năng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin, tài liệu đã cung cấp.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ. Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

VIII. CƠ CHẾ QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì đánh giá cuối kỳ về hiệu quả của việc ban hành và triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025.

- Tổ chức họp đánh giá kết quả triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh An Giang: định kỳ 6 tháng/1 lần.

+ Thành phần: Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh An Giang, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các Ngân hàng TMCP, DNNVV.

+ Nội dung: Tổng kết hoạt động hỗ trợ DNNVV trong 6 tháng, các cơ quan liên quan báo cáo các kết quả triển khai theo từng nội dung, chính sách đặt ra theo Đề án mà cơ quan mình chủ trì. Đề xuất các nội dung hỗ trợ DNNVV trong thời gian tới.

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình thực hiện các chính sách, nội dung, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên tỉnh An Giang đến năm 2025.

- Trường hợp nội dung, chính sách hỗ trợ của Đề án không thực hiện đúng theo Kế hoạch đề ra, việc huy động, giải ngân kinh phí không đúng tiến độ, hoặc không đúng cơ cấu và tổng mức quy định, kinh phí sử dụng sai mục đích thì giải quyết như sau:

- + Dừng giải ngân kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách tỉnh
- + Đình chỉ nhiệm vụ
- + Yêu cầu đơn vị chủ trì nhiệm vụ xử lý khoản chi sai
- + Các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật

2. Đối với cơ quan chủ trì thực hiện Đề án: Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Xây dựng hệ thống theo dõi giám sát đánh giá và báo cáo bao gồm: Khung giám sát và đánh giá; Xây dựng bộ công cụ theo dõi, giám sát đánh giá đối với từng cấp độ đánh giá; biểu mẫu báo cáo.

- Tập huấn cho các đơn vị triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV về Khung giám sát đánh giá, Biểu mẫu báo cáo, Bộ công cụ và chỉ số theo dõi giám sát đánh giá.

- Bố trí cán bộ hoặc tuyển dụng mới chuyên gia chuyên trách toàn thời gian để quản lý, tổ chức và triển khai hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá; có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn cho các đơn vị chủ trì thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV về nghiệp vụ theo dõi, giám sát, đánh giá.

- Chủ trì đánh giá kết quả trực tiếp mang lại cho DNVVN sau khi DNNVV tham gia hoạt động hỗ trợ (hàng năm, kể từ năm DNNVV đã tham gia hoạt động và được nhận hỗ trợ cho đến hết 2025) trong khuôn khổ các hoạt động do đơn vị mình thực hiện. Báo cáo kết quả đánh giá về Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thuê đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các chính sách thực hiện hỗ trợ DNNVV do các đơn vị tham gia Đề án triển khai thực hiện, tổng hợp kết quả và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổng hợp, theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo tổng thể kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển DNNVV trên địa bàn tỉnh An Giang: định kỳ 6 tháng/1 lần.

- Trực tiếp tham gia báo cáo kết quả triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển DNNVV trên địa bàn tỉnh An Giang với Ủy ban nhân dân tỉnh tại các cuộc họp định kỳ.

- Huy động đối tác hỗ trợ kỹ thuật, đối tác hỗ trợ nguồn lực để đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về cho cán bộ, đơn vị triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển DNNVV về công tác theo dõi, giám sát, đánh giá.

- Tìm kiếm, cập nhật, nghiên cứu và theo dõi các nguồn tư liệu tương tự để sử dụng theo dõi đánh giá các chỉ số liên quan đến phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ DNNVV tỉnh An Giang.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 – Giám sát đánh giá các chỉ số thực hiện)

3. Đối với cơ quan thực hiện hỗ trợ

Các cơ quan thực hiện hỗ trợ theo từng nhiệm vụ được xác định trong phần Nội dung, giải pháp và chính sách hỗ trợ, bao gồm: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục Thuế Tỉnh; Tỉnh đoàn; Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư có trách nhiệm:

- Bố trí nhân sự phụ trách theo dõi, giám sát, đánh giá và báo cáo;

- Cử nhân sự tham gia các hoạt động tập huấn sử dụng khung giám sát, đánh giá và bộ công cụ giám sát đánh giá;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong các hoạt động đánh giá kết quả trực tiếp mang lại cho DNVVN sau khi DNNVV tham gia hoạt động hỗ trợ (hàng năm, kể từ năm DNNVV đã tham gia hoạt động và được nhận hỗ trợ cho đến hết

2025) trong khuôn khổ các nội dung, chính sách và hoạt động do đơn vị mình thực hiện. Báo cáo kết quả đánh giá cho cơ quan đầu mối về theo dõi, giám sát đánh giá (Sở Kế hoạch và Đầu tư);

- Trực tiếp tham gia các cuộc họp định kỳ và báo cáo, giải trình kết quả triển khai chính sách phát triển doanh nghiệp và hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh An Giang với Ủy ban nhân dân tỉnh tại các cuộc họp định kỳ.

IX. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

- Tốc độ phát triển doanh nghiệp mới hàng năm đạt 400 doanh nghiệp/năm trong năm 2023; đạt 600/năm trong năm 2024, đạt 700/năm giai đoạn 2025-2030. Đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có trên 14.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập. Trong đó có 1.000 DNNVV khai thác thành công các công cụ thương mại điện tử để kết nối thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Bình quân hàng năm có 30 - 50 hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.

- Đến năm 2025, có trên 200 doanh nghiệp khởi nghiệp (trong đó có 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo).

- Đến năm 2025, dự kiến phát triển được 20 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Đến năm 2025, có trên 100 doanh nghiệp được đào tạo nâng cao năng lực, hơn 1.000 lao động được nâng cao tay nghề.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hoàn thành xây dựng một số Không gian làm việc chung, không gian kết nối, cơ sở ươm tạo để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Đến năm 2025, hình thành được các cụm liên kết ngành chủ yếu: chế biến nông - thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao (lúa gạo, cây ăn trái, thủy sản), công nghiệp - dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Mạng lưới tư vấn viên cho DNNVV hoạt động ổn định và hiệu quả với 30 nhà tư vấn quản trị doanh nghiệp và 30 doanh nhân thành công tham gia cố vấn dẫn dắt, đồng hành với 50 doanh nhân trẻ, doanh nhân khởi nghiệp, DNNVV đổi mới sáng tạo tham gia thị trường, liên kết chuỗi giá trị, đổi mới sáng tạo. Huy động được 10 tỷ vốn đầu tư từ các doanh nghiệp dẫn đầu, quỹ đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Trên 300 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh được đào tạo nâng cao năng lực quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp góp phần xây dựng bộ máy chính quyền năng động, hiệu quả, chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu trong thời đại mới.

- Tổng điểm PCI của tỉnh được xác định thuộc nhóm điều hành “Tốt”. Các chính sách ban hành được theo dõi đánh giá tác động thường xuyên./.

Phụ lục I

DỰ KIẾN KINH PHÍ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh An Giang đến năm 2025)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục các chính sách hỗ trợ	Tổng kinh phí		Phân nguồn			Cơ quan phối hợp thực hiện
				Ngân sách địa phương		Ngân sách trung ương (Vốn chi thường xuyên)	
		Vốn chi thường xuyên	Vốn đầu tư công	Vốn chi thường xuyên	Vốn đầu tư công		
1	Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	49.850	23.000	24.925	23.000	24.925	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông
2	Hỗ trợ về tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán	39.450		19.725		19.725	Sở Tài chính
3	Hỗ trợ mở rộng thị trường	43.291		22.066		21.225	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư
4	Hỗ trợ thông tin và pháp lý	48	5.000	48	5.000		Sở Tư pháp
5	Hỗ trợ về thủ tục hành chính	1.347		1.347			Sở Nội vụ
6	Hỗ trợ tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng	38.115		19.065		19.050	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh An Giang, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh An Giang
7	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	6.674		3.576		3.098	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông
8	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo	83.130		41.693		41.438	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Tỉnh đoàn
9	Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	54.856		27.781		27.075	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT
10	Hỗ trợ kinh doanh bền vững	26.367		26.367			Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
11	Giám sát đánh giá các chỉ số thực hiện	15.994		15.994			Sở Kế hoạch và Đầu tư
12	Tuyên truyền, phổ biến chính sách	778		778			Sở Kế hoạch và Đầu tư
	Tổng cộng	359.900	28.000	203.365	28.000	156.535	
		387.900		231.365		156.535	

